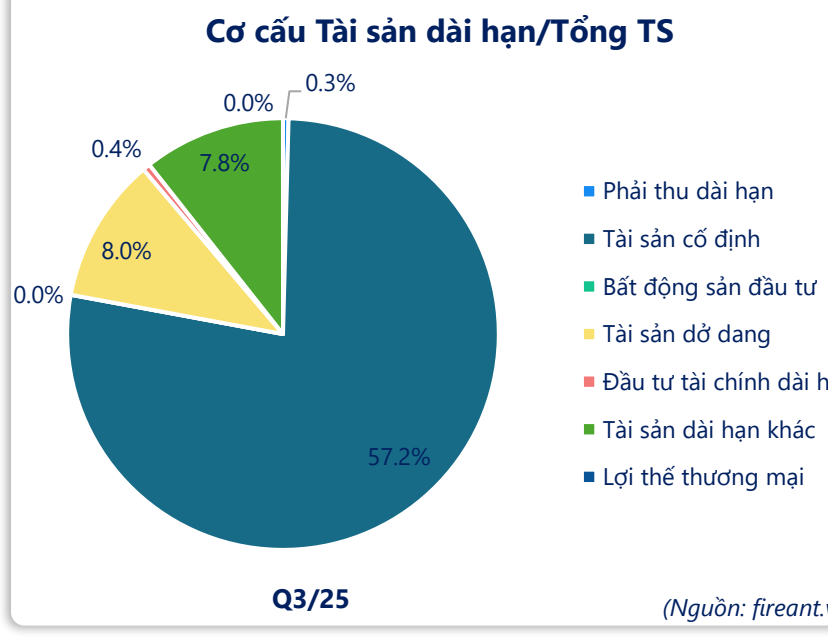
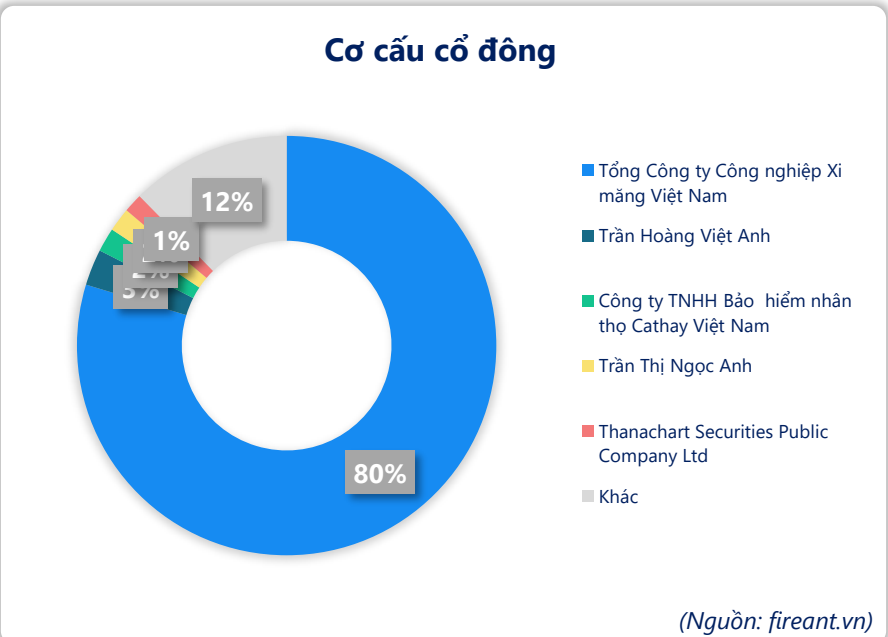
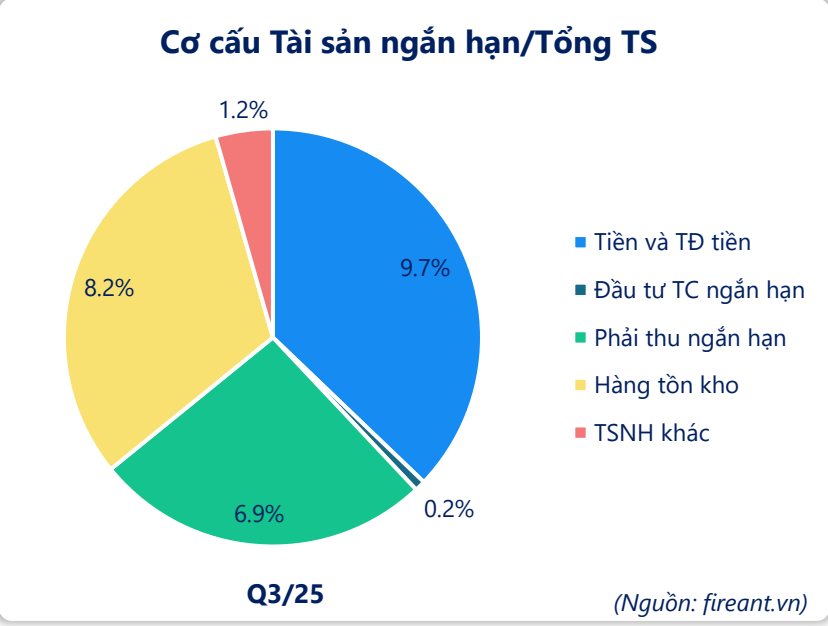
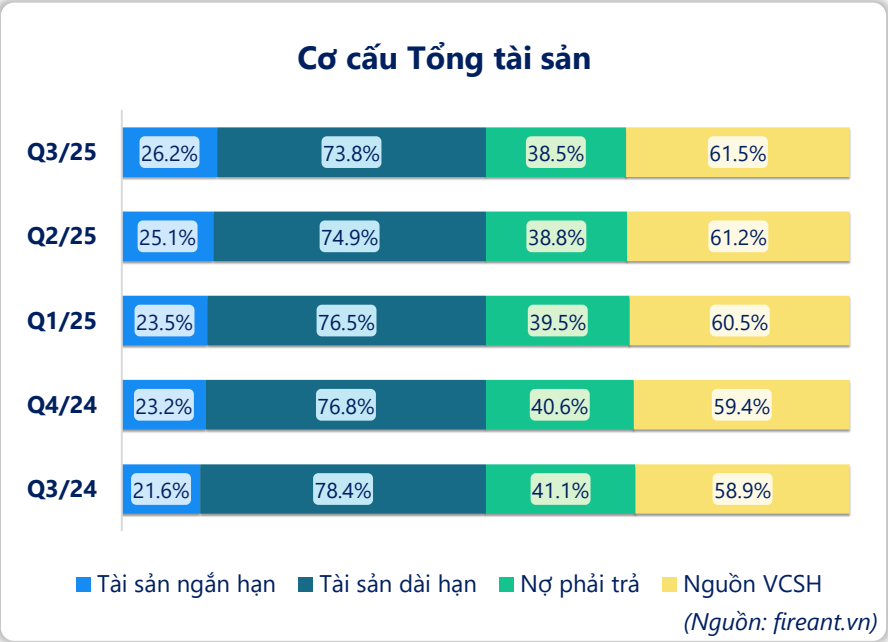
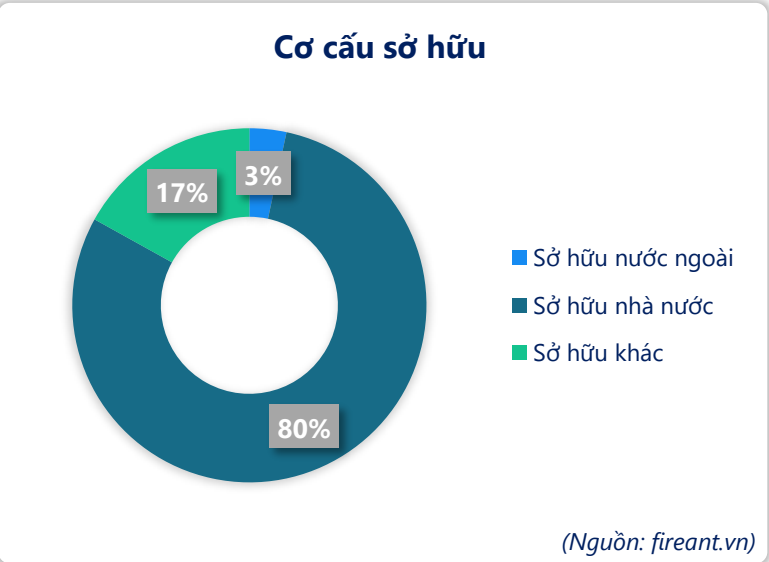
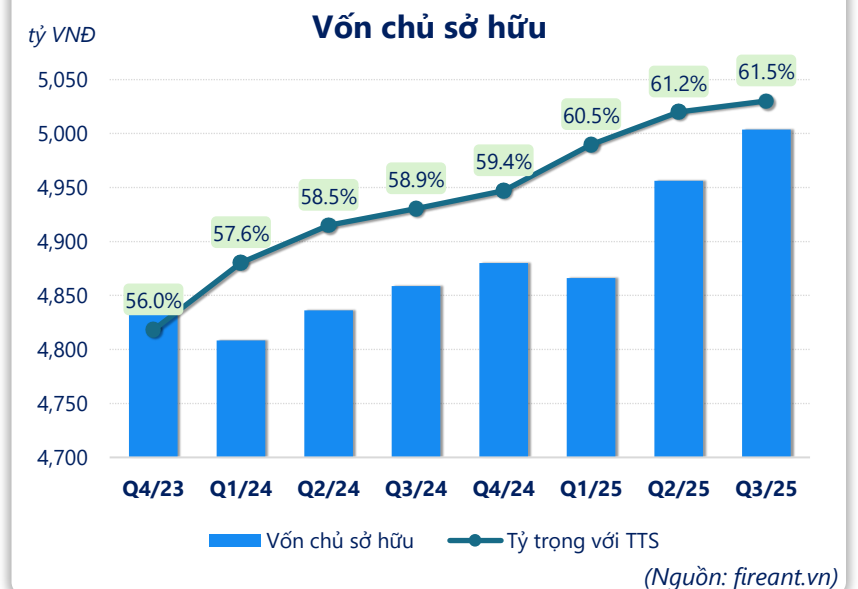
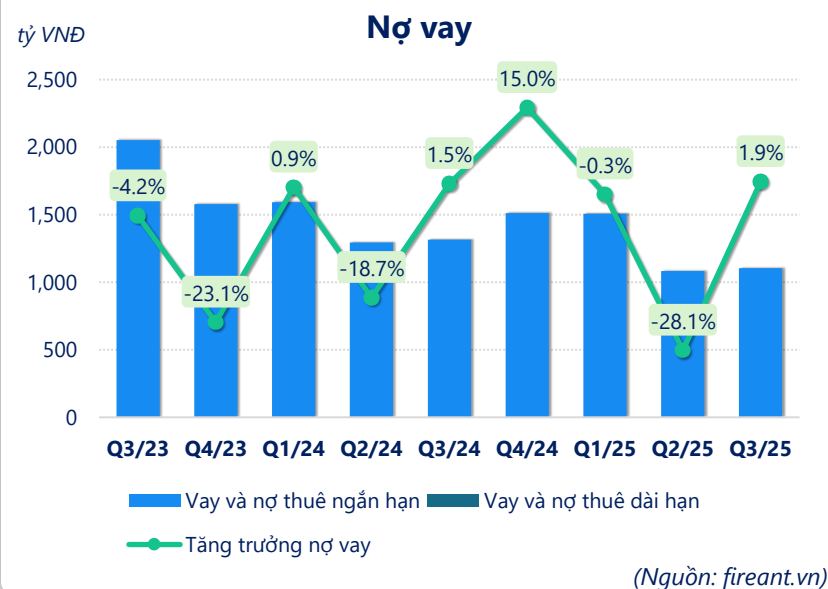
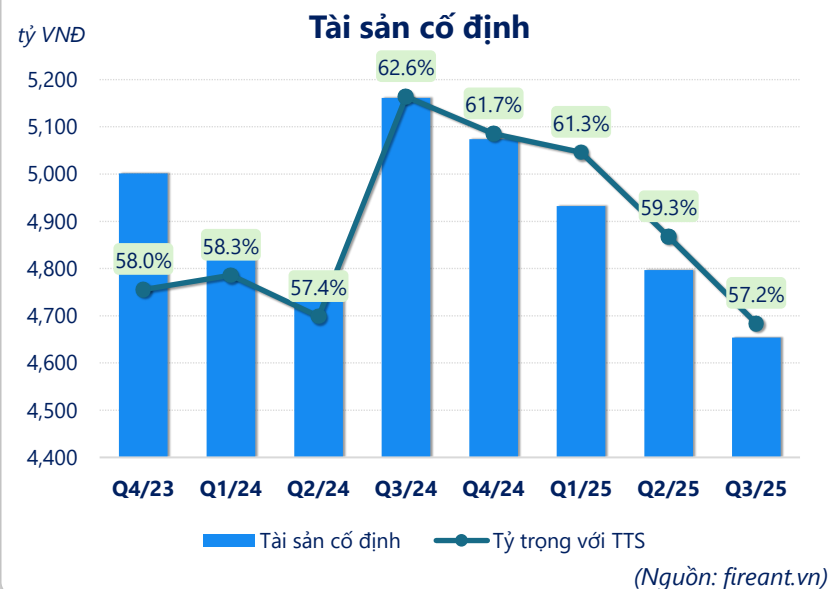
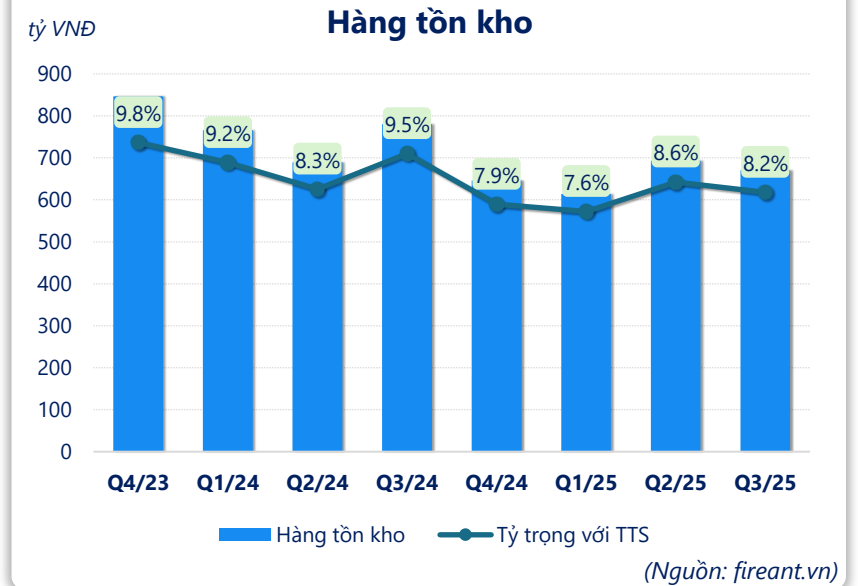
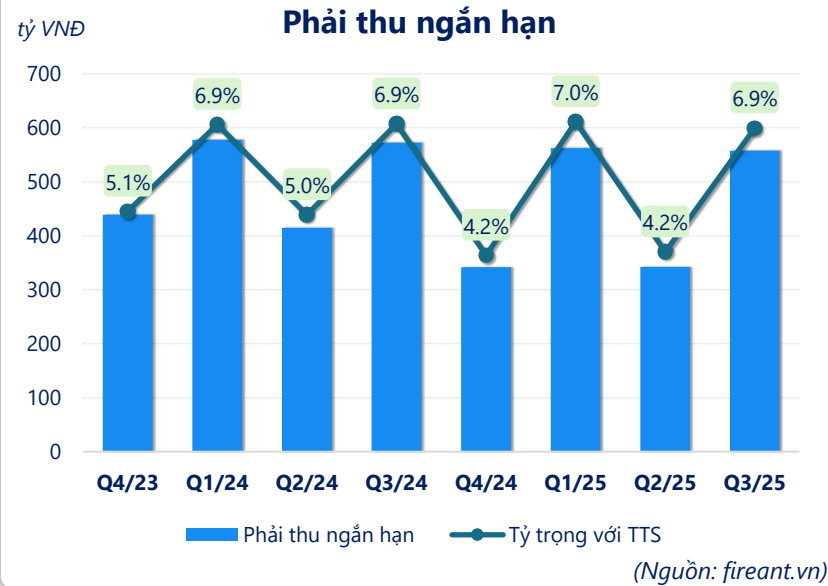
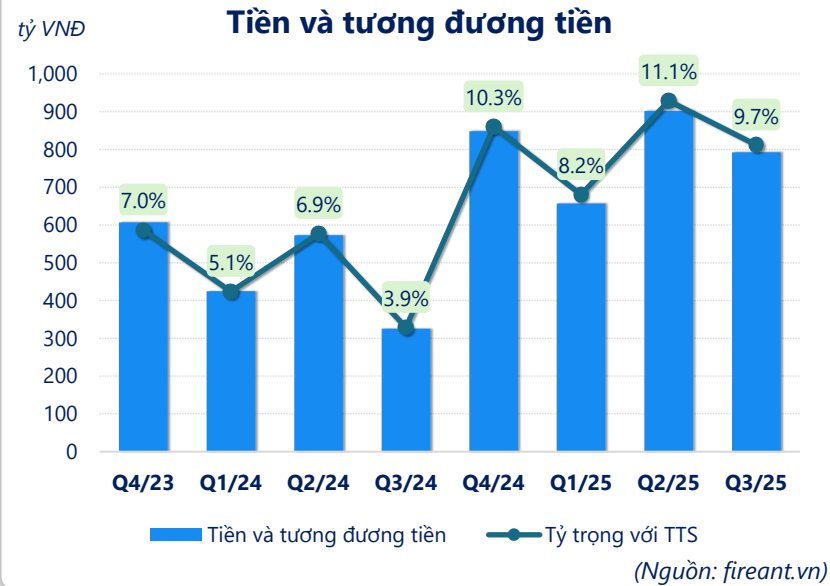
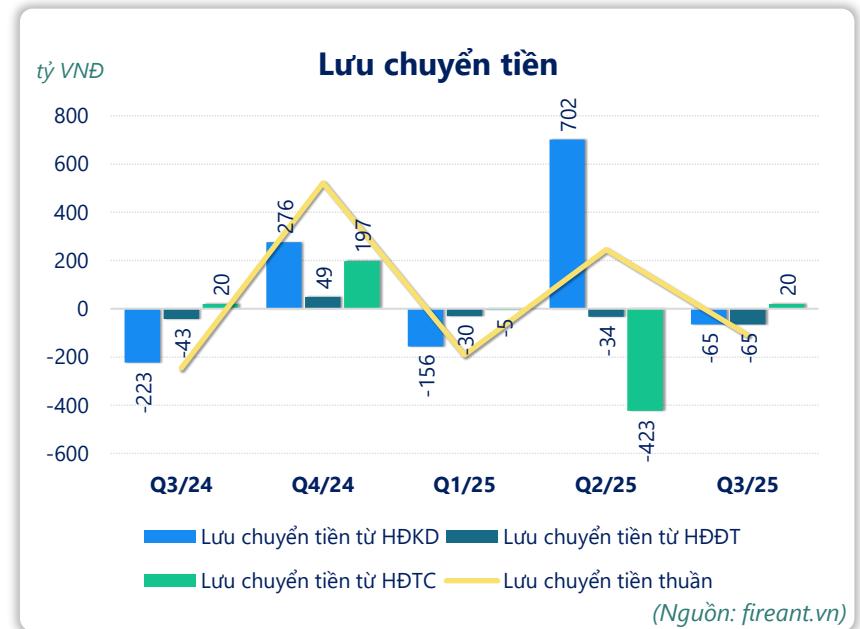
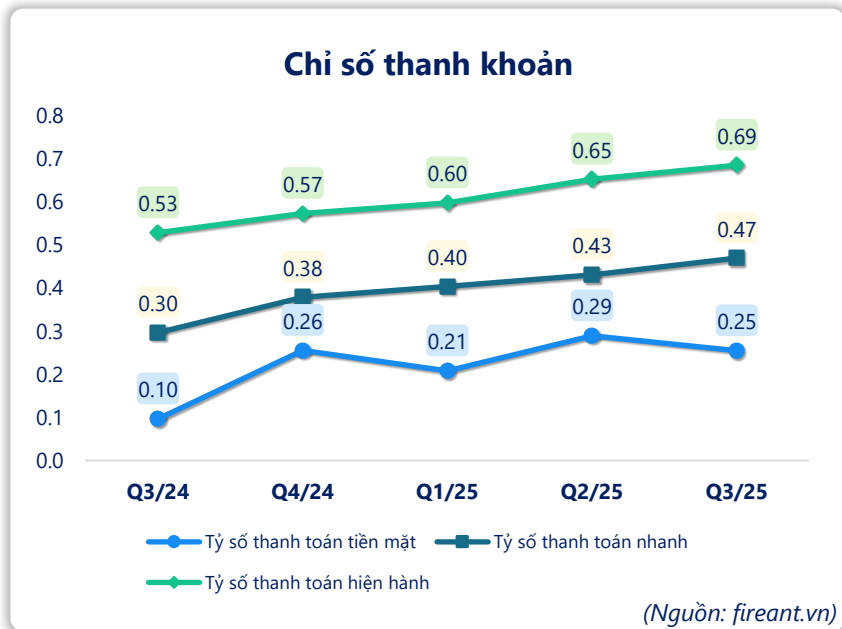
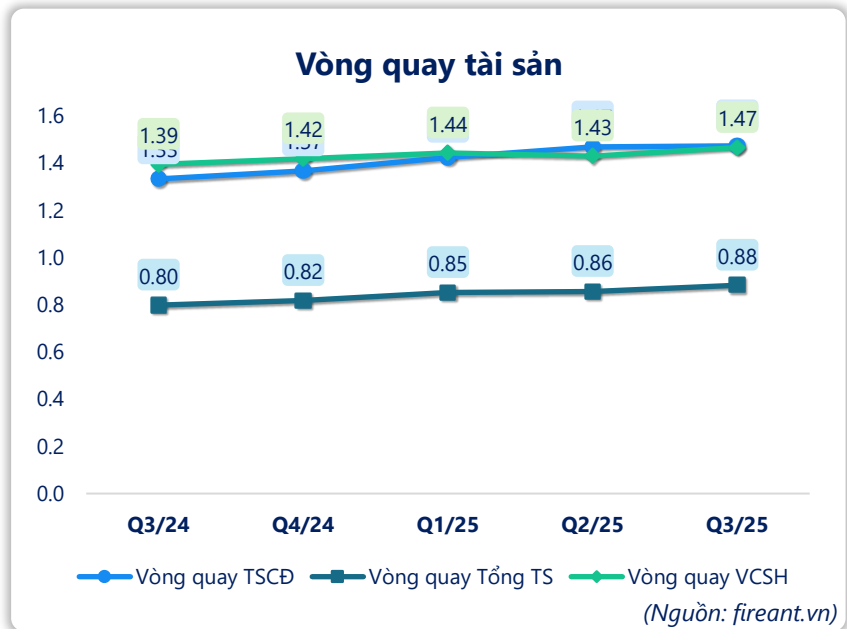
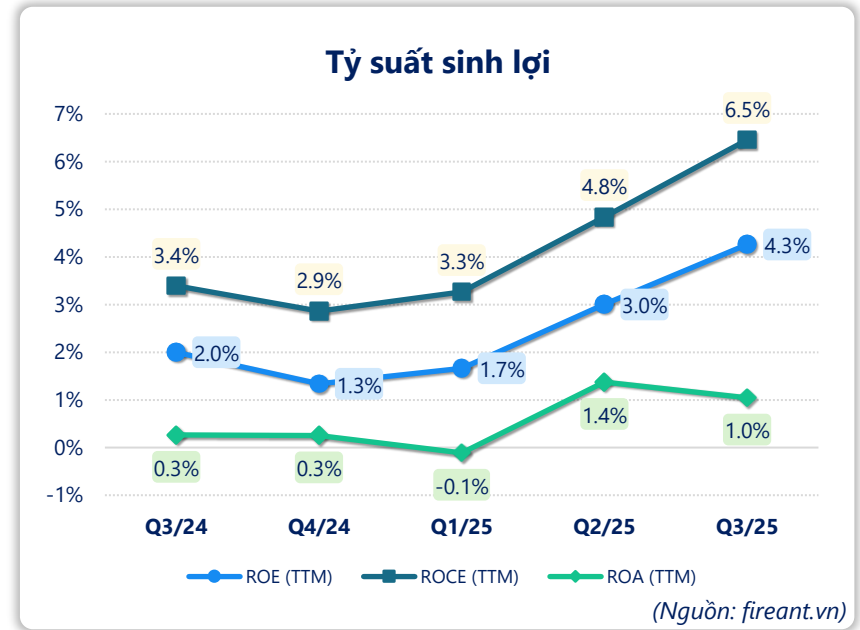
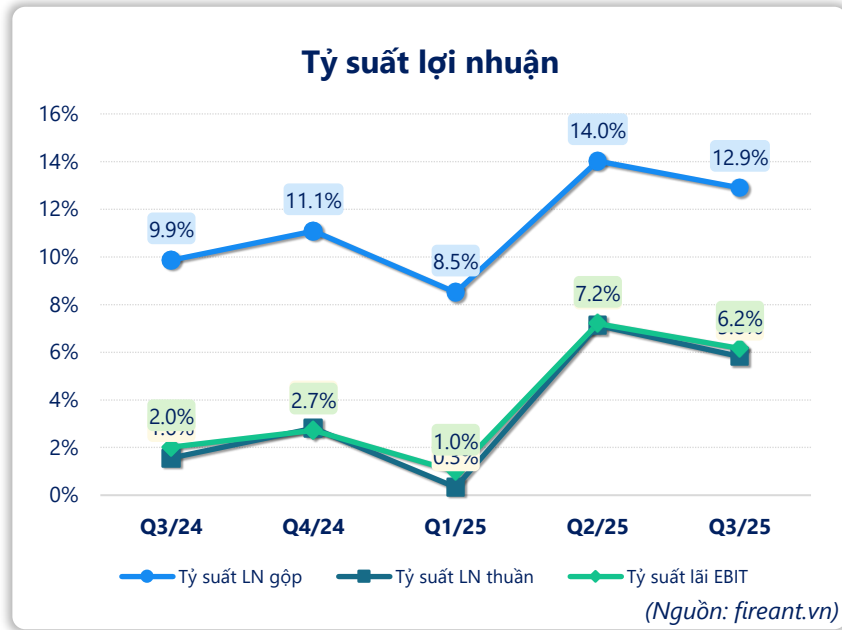
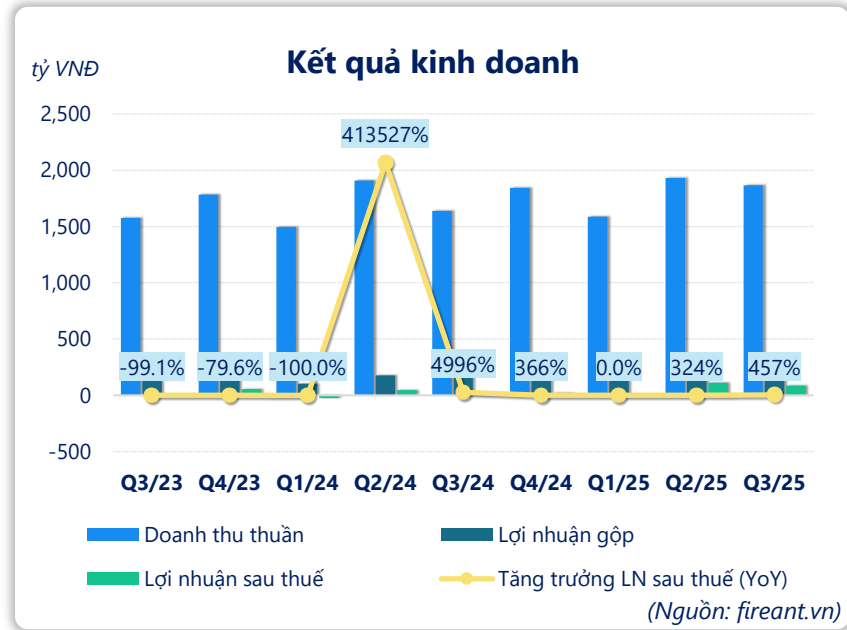


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		16,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		19,050
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		9,249
SL cổ phiếu LH		381,589,911
KLGD BQ 20 phiên (CP)		834,665
% sở hữu nước ngoài		3.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		6,449
P/E		30.7
EPS		551

	YTD	1T	3T	6T
HT1	43.4%	-3.7%	37.6%	41.6%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	8,137	8,223	-1.0%
Tài sản ngắn hạn	2,132	1,904	12.0%
Tiền và tương đương tiền	792	849	-6.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	17.6	17.0	3.2%
Phải thu ngắn hạn	558	342	63.1%
Hàng tồn kho	670	646	3.7%
Tài sản ngắn hạn khác	94.3	50.3	87.5%
Tài sản dài hạn	6,005	6,319	-5.0%
Phải thu dài hạn	24.8	22.7	9.5%
Tài sản cố định	4,654	5,074	-8.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	654	526	24.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	33.4	36.5	-8.5%
Tài sản dài hạn khác	639	660	-3.3%
Lợi thế thương mại	0.04	0.07	-37.5%
Nợ phải trả	3,134	3,348	-6.4%
Nợ ngắn hạn	3,111	3,327	-6.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,103	1,511	-27.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,070	1,130	-5.3%
Nợ dài hạn	22.2	21.0	5.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	5,004	4,875	2.6%
Vốn chủ sở hữu	5,004	4,875	2.6%
Vốn điều lệ	3,816	3,816	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	1,638	1,843	1,587	1,931	1,867
Giá vốn hàng bán	1,477	1,639	1,452	1,660	1,626
Lợi nhuận gộp	162	204	135	271	241
Doanh thu HĐTC	3.39	3.41	3.54	4.56	7.59
Chi phí TC	32.7	20.3	20.7	23.3	23.7
Chi phí lãi vay	11.1	12.7	14.0	11.3	9.68
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	40.9	53.7	42.3	48.4	46.0
Chi phí QLDN	65.7	81.9	70.3	66.1	70.2
LN thuần từ HĐKD	25.6	51.7	5.29	138	109
Lợi nhuận khác	-3.62	-14.4	-3.54	-9.88	-3.34
LN trước thuế	22.0	37.4	1.75	128	105
Lợi nhuận sau thuế	22.7	21.4	-9.18	112	85.8
LNST của CĐ cty mẹ	22.5	21.3	-9.18	112	85.7

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-223	276	-156	702	-64.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-43.0	48.8	-30.3	-33.8	-65.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	19.8	197	-5.17	-423	20.1
Tiền đầu kỳ	573	325	849	657	902
Lưu chuyển tiền thuần	-246	522	-192	245	-110
Ảnh hưởng tỷ giá	-1.07	1.50	0.37	0.02	0.01
Tiền cuối kỳ	325	849	657	902	792

(Nguồn: fireant.vn)